

Số: **903** /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **06** tháng **6** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 4
dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 07 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 396/TTr-TNMT ngày 02/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 3 dự án Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: 474.761.365 đồng.

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	474.761.365 đồng
+ Bồi thường về đất:	96.566.000 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	274.472.865 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	45.412.700 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	58.309.800 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

10

10

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ BỔ SUNG LẦN 3

Dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)

(Kèm theo Quyết định số: **303** /QĐ-UBND ngày **06** tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				474.761.365
1	Chi trả cho chủ sở hữu				474.761.365
1	Về đất				96.566.000
2	Về tài sản vật kiến trúc				274.472.865
3	Về cây cối hoa màu				45.412.700
4	Về chính sách hỗ trợ				58.309.800
B	Chi tiết cho các hộ dân				474.761.365
1	Họ và tên: Hù Văn Hò				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				
					8.133.640
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Hù Văn Hò tạo lập gồm: + Ao đào bằng máy từ năm 1998. + Kè đá xếp khan từ năm 1998. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm, sử dụng đúng mục đích, ổn định không tranh chấp)				7.713.640
1	Kè đá xếp khan (52*1*0.6) (kè dưới đất bờ ao)	m ³	31,2	141.900	4.427.280
2	Cổng cuốn D= 100 - 300	m	13,0	144.100	1.873.300
3	Đào đắp đất thủ công (13*1*1)	m ³	13,0	82.500	1.072.500
4	Kè đá xếp khan (6*1*0.4)	m ³	2,4	141.900	340.560
b	Về cây cối hoa màu				420.000
1	Cây nhãn R = 1-2 m	cây	1,0	420.000	420.000
2	Họ và tên: Hù Văn Sin				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				
					1.224.600
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Hù Văn Sin tạo lập vào năm 2003 trên phần đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, sử dụng đúng mục đích sử dụng đất) (hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo điểm c, khoản 7 điều 21 QDD16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				864.600
1	Cổng cuốn D= 100 - 300	m	6,0	144.100	864.600
b	Về cây cối hoa màu				360.000
1	Cây ổi bán kính tán từ 1 -2 m	cây	1	360.000	360.000
3	Họ và tên: Lò Văn Vinh (hiện trạng ông Lò Văn Đài đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				
					14.476.500
a	Về đất				2.797.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	75,6		

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Loại đất:				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	75,6	37.000	2.797.200
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BC321659 do UBND thị xã Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 04/4/2012. Hiện ông Lò Văn Đài đang sử dụng. Phân diện tích 18.2 m² đang chồng lấn lên thửa đất số 587 TBD số 6 đang quy chủ đất DGT, thực tế do gia đình đang sử dụng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận QSD đất đã cấp, nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Hiện ông Lò Văn Đài đang sử dụng. Toàn bộ diện tích đất thu hồi gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất ông Lò Văn Vinh do ông Lò Văn Đài tạo lập vào năm 1993 trên phần nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, sử dụng đúng mục đích) (hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo điểm c, khoản 7 điều 21 QDD16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				346.500
1	Hào đào thủ công (0.5*0.7*12)	m	4,2	82.500	346.500
c	Về cây cối hoa màu				144.000
1	Cây cỏ voi	m ²	20,0	4.800	96.000
2	Cây chuối chưa buồng H>1,2 m	cây	2,0	24.000	48.000
d	Về chính sách hỗ trợ				11.188.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	75,6	148.000	11.188.800
4	Họ và tên: Lương Văn Xuân				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				9.942.375
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Hù Văn Sìn tạo lập vào năm 2003 trên phần đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, sử dụng đúng mục đích sử dụng đất) (hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo điểm c, khoản 7 điều 21 QDD16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				7.866.375
1	Hào đào thủ công (28,5*1,1*1,0)	m ³	31,4	82.500	2.586.375
2	Vận chuyển đất bằng máy dưới 2km (1,5*160 m ²)	m ³	240,0	11.000	2.640.000
3	Đào đất bằng máy trong phạm vi nhỏ hơn 50m (1,5*160 m ²)	m ³	240,0	11.000	2.640.000
b	Về cây cối hoa màu				2.076.000
1	Cây chuối chưa buồng H>1,2 m	cây	2	24.000	48.000
1	Cây tre D<5cm	cây	31	18.000	558.000
1	Cây tre D=5-10cm	cây	25	30.000	750.000
1	Cây tre D>10 cm	cây	15	48.000	720.000
5	Họ và tên: Thảo Thị Den, Hoàng Đức Sìn				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				25.505.621,85
a	Về đất				14.065.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	50,2		
2	Loại đất:				
	Đất ở Nông thôn	m ²	17,9	550.000	9.845.000
	Đất ở Nông thôn (ông Bùi Văn Tuấn đang sử dụng)	m ²	6,0	550.000	3.300.000
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	26,3	35.000	920.500
	Vị trí: vị trí 1, khu vực 1 xã Sơn Thàng				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC467540 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 22/7/2013. Phần diện tích thuộc thửa 107 (bản đồ GPMB) là thửa 16 tờ bản đồ địa chính 42 có nguồn gốc do gia đình ông Hoàng Đức Sơn và bà Thảo Thị Đen khai hoang trước năm 1993 (không có giấy tờ) sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Hoàng Đức Sơn - Thảo Thị Đen tạo lập năm 2011 (bao gồm cả tài sản của ông Bùi Văn Tuấn), khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất)				7.302.222
1	Tường xây gạch bi T12cm (15.8*1.9)	m ²	30,0	63.800	1.915.276
2	Tường xây gạch bi T12cm (1.5*1.9)	m ²	2,9	63.800	181.830
3	Trụ BTCT (0.3*0.3*2.3)*2	m ²	0,4	696.850	288.496
4	Tường xây gạch bi T12cm (2.3*1.9)	m ²	4,4	63.800	278.806
5	Công sắt (2.7*1.9)	m ²	5,1	61.600	316.008
6	Tấm đan BTCT (2.3*1.3*0.1)	m ²	0,3	696.850	208.358
7	Nền BT đã đầm dầy 10 cm (1.0*3.2)	m ²	3,2	41.800	133.760
8	Bố bờ xây hoàn chỉnh	m	3,0	24.200	72.600
9	Nền BT đã đầm dầy 10 cm (2*1)	m ²	2,0	41.800	83.600
	Tài sản do ông Bùi Văn Tuấn đang sử dụng				
1	Bán mái khung sắt lợp pro (1.5*5)	m	7,5	334.400	2.508.000
2	Nền BT đã đầm dầy 10 cm (1.5*5)	m	7,5	83.600	627.000
3	Tấm đan BTCT (1.3*3.8*0.1)		0,5	1.393.700	688.488
c	Về cây cối hoa màu				1.376.400
1	Cây bơ R>4m	cây	1,0	840.000	840.000
2	Cây thuốc nam đã cho thu hoạch	cây	3,0	54.000	162.000
3	Chậu cây cảnh	chậu	1,0	24.000	24.000
	Cây cối hoa màu ông Tuấn đang sử dụng				
1	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	cây	1,0	132.000	132.000
2	Giàn su su	m2	4,0	9.600	38.400
3	Cây vôi	cây	1,0	132.000	132.000
4	Cây chuối chưa buồng H>1,2 m	cây	2,0	24.000	48.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
d	Về chính sách hỗ trợ				2.761.500
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	26,3	105.000	2.761.500
6	Họ và tên: Lù Văn Chấn (hiện trạng ông Lù Văn Quang đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				5.561.141
a	Về đất				381.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	10,9		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (ông Quang đang sử dụng)	m ²	10,9	35.000	381.500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Phần diện tích thu hồi do gia đình khai hoang sử dụng trước năm 1993 (không giấy tờ). Phần diện tích đang chồng lấn lên thửa 317 TBD 33 đang quy chủ loại đất BCS do UBND xã quản lý. Hiện trạng do ông Lù Văn Chấn quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Chấn khai hoang sử dụng trước năm 1993 (không giấy tờ). Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Hiện ông Lù Văn Quang đang quản lý sử dụng. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Hỗ trợ bằng 50% do sử dụng sai mục đích theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND)				4.035.141
1	Tầm đan BTCT (2.4*1)	m ²	2,4	696.850	1.672.440
2	Bán mái khung gỗ mái Pro (2.5*4.6)	m ²	11,5	133.650	1.536.975
3	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2.5*1.5)	m ²	3,8	41.800	156.750
4	Tầm đan BTCT (0.8*1.2)	m ²	1,0	696.850	696.850
c	Về chính sách hỗ trợ				1.144.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	10,9	105.000	1.144.500
7	Họ và tên: Đà Thị San (Già Thị San) (Hiện trạng ông Thảo Văn Đoàn và ông Thảo Văn Đông đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				107.162.818
a	Về đất				51.014.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	184,7		
2	Loại đất:				
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (đất ông Đông đang sử dụng)	m ²	131,5	35.000	4.602.500
2.2	Đất ở tại nông thôn	m ²	81,0	550.000	44.550.000
2.3	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (đất ông Đoàn đang sử dụng)	m ²	53,2	35.000	1.862.000
	Vị trí: vị trí 1				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc sử dụng đất: - Thửa đất số 9, tờ BĐ số 35 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BT477127 do UBND TP Lai Châu cấp ngày 21/01/215. - Thửa đất số 10, tờ BĐ số 35 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BT477230 do UBND TP Lai Châu cấp ngày 21/01/215. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất của bà Đà Thị San do ông Thảo Văn Đoàn và ông Thảo Văn Đông tạo lập vào năm 2018. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng đúng mục đích sử dụng đất, ổn định không tranh chấp)				35.386.818
	<i>Tài sản của ông Thảo Văn Đoàn đang sử dụng</i>				
1	Bán mái xây gạch bi T12cm mái lợp tôn, nền BT đá dăm (7.1*5.1)	m ²	36,2	563.200	20.393.472
2	Trụ công xây gạch bi (0.3*0.3*2.3)*2	m ³	0,41	546.700	226.334
3	Cổng sắt (2.3*1.9)	m	4,4	825.000	3.605.250
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5*9.2)	m ²	46,0	83.600	3.845.600
5	Bờ bờ xây hoàn chỉnh	m	17,0	48.400	822.800
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3.4*2.9)	m ³	9,9	83.600	824.296
7	Tấm đan BTCT (3*1.1*0.1)	m ²	0,3	1.393.700	459.921
8	Kè đá xây (14.2*0.4*1.2)	m ³	6,82	392.700	2.676.643
	<i>Tài sản của ông Thảo Văn Đông đang sử dụng</i>				
9	Nền lát gạch block (0.7*10)	m ²	7,00	107.800	754.600
10	Kè đá xếp khan (4.6*1.9*0.4)	m ³	3,50	141.900	496.082
11	Lưới cước (50*1.2)	m ²	60,00	5.000	300.000
12	Ông nước PVC φ 110	m	20,00	49.091	981.820
c	Về cây cối hoa màu				1.368.000
	<i>Cây của ông Thảo Văn Đoàn trồng</i>				
1	Cây Quýt trồng hạt năm thứ nhất	cây	1	42.000	42.000
2	Cây nhãn trồng hạt năm thứ nhất	cây	7	42.000	
3	Cây mít trồng hạt năm thứ nhất	cây	6	42.000	
4	Cây trứng gà trồng hạt năm thứ nhất	cây	1	42.000	42.000
5	Hoa cây cảnh đã cho thu hoạch	m2	4	48.000	192.000
6	Cây chanh trồng hạt năm thứ nhất	cây	1	42.000	42.000
	<i>Cây của ông Thảo Văn Đông trồng</i>				
7	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	45	66.000	
8	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất	Cây	25	42.000	1.050.000
9	Cây chuối chưa buồng H>1.2m	cây	7	24.000	
10	Cây xoan trồng từ 2 đến 5 năm	cây	6	24.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				19.393.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	53,2	105.000	5.586.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	131,5	105.000	13.807.500
8	Họ và tên: Nguyễn Văn Dương				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				44.760.186
a	Về đất				15.785.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	42,5		
2	Loại đất:				
2,1	Đất ở Nông thôn (đã được cấp GCN QSD đất)	m ²	14,8	550.000	8.140.000
2,2	Đất ở nông thôn	m ²	27,7	550.000	15.235.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính 50% theo điểm a khoản 2 điều 5 nghị định 45/2014/NĐ-CP	m ²	27,7	257500	-7.132.750
	Truy thu lệ phí trước bạ 0,5%	m ²	27,7	550000	-76.175
	Truy thu Thuế thu nhập cá nhân 2,5%	m ²	27,7	550000	-380.875
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: - Thửa đất số 116, tờ ĐB số 42 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành CQ285685 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 31/7/2019. - Thửa đất số 25, tờ ĐB số 42 có nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất nông nghiệp của ông Hoàng Đức Sin (Hoàng Văn Sin) và bà Thảo Thị Den năm 2002. Đất ông Sin và bà Den khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ). Ông Nguyễn Văn Dương sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 2003. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất do ông Nguyễn Văn Dương tạo lập năm 2003, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất.)				28.974.986
1	Nền BT đá dăm dày 20cm (1.7*6) (tính bằng 2 lần đơn giá nền BT đá dăm dày 10 cm)	m2	10,20	167.200	1.705.440
2	Công khung sắt lưới B40 (5.2*2.2)	m2	11,44	123.200	1.409.408
3	Tường xây gạch bi T12cm (2.7*1.1)	m2	2,97	127.600	378.972
4	Kè đá xây dưới tường (2*0.6*2.7)	m3	3,24	392.700	1.272.348
5	Trụ cổng BTCT (2.5*0.3*0.3)*2	m3	0,45	1.393.700	627.165
6	Tấm đan BTCT (6.4*1.8*0.2)	m3	2,30	1.393.700	3.211.085
7	Bán mái xây gạch bi T12cm mái lợp tôn nền BT đá dăm cao 3,4 m (1.7*6.2)	m2	10,54	443.520	4.674.701
8	Kè đá xây dưới tường móng nhà (2.5*15*0.5)	m3	18,75	392.700	7.363.125
9	Thép hộp 4*8 dày 2 ly	m	6,00	30.000	180.000
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
10	Nền BT đá dăm dày 20cm (1*6) (tính bằng 2 lần đơn giá nền BT đá dăm dày 10 cm)	m	6,00	167.200	1.003.200
11	Bán mái xây gạch bi T12cm mái lợp tôn nền BT đá dăm cao 3,4 m (2.7*6.2)	m2	16,12	443.520	7.149.542
9	Họ và tên: Đào Văn Siêng (Xiêng) (0961.519.515)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Màng, Phường Quyết Thắng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				5.736.000
a	Về đất				1.137.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	37,9		

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Loại đất:				
2.1	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	37,9	30.000	1.137.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Giảng Văn Hợp năm 2006 (không giấy tờ). Đất ông Hợp khai hoang sử dụng từ trước năm 1993. Phần diện tích thu hồi thuộc thửa 202 TĐĐ 27 thông tin trên hồ sơ địa chính đang quy chủ cho Doanh nghiệp Quảng Lợi, hiện trạng do gia đình ông Đào Văn Siêng đang quản lý sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác về chủ sử dụng đất. (Đất ông Hợp cho Doanh nghiệp Quảng Lợi thuê để khai thác đá đến năm 2006 ông Hợp lấy lại đất và chuyển nhượng cho ông Siêng). Đất sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	Về cây cối hoa màu				1.188.000
1	Hàng rào cây sống	m	30	7.200	216.000
2	Cây cam trồng hạt năm thứ nhất	cây	15	42.000	630.000
3	Cây chuối H > 1,2 m	cây	12	24.000	288.000
4	Cây chuối H < 1,2 m	cây	3	18.000	54.000
c	Về chính sách hỗ trợ				3.411.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	37,9	90.000	3.411.000
10	Họ và tên: Lý Văn Long (hiện trạng ông Lò Văn Dũng đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				14.210.506
a	Về đất				486.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	13,9		
2	Loại đất:				
	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	13,9	35.000	486.500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Thửa đất số 83, tờ BĐ số 4 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089069 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên ông Lý Văn Long. Hiện ông Lò Văn Dũng đang quản lý sử dụng 1 phần vào mục đích đất ở nông thôn. Phần diện tích 5.8 m2 đang chồng lấn lên thửa 474 TĐĐ 4 đất DGT do UBND xã quản lý. Hiện trạng gia đình ông Lý Văn Long đang quản lý sử dụng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận đã cấp. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất của ông Lý Văn Long do ông Lò Văn Dũng tạo lập năm 2010. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng sai mục đích sử dụng đất. Hỗ trợ bằng 50% do xây dựng trên đất nông nghiệp không đúng mục đích sử dụng đất theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND)				11.544.506
1	Hàng rào sắt hộp (3.1*1.2)	m ²	3,7	302.500	1.125.300
2	Cổng sắt (3*1.9)	m ²	5,7	412.500	2.351.250
3	Trụ công xây gạch bi (0.4*0.5*2.1)*2	m ²	0,8	273.350	229.614

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
4	Tường xây gạch bi T12cm (0.4*2.1)	m ²	0,8	63.800	53.592
5	Tường xây gạch bi T12cm (3.1*1.1)	m ²	3,4	63.800	217.558
6	Trát VXM không đánh màu (0.4*2.1)*2+(3.1*1.1)*2	m ²	8,5	31.900	271.150
7	Kè đá xếp khan (5*0.3*0.4)*2	m ²	1,2	70.950	85.140
8	Tường xây gạch bi T12cm (2.7*2.3)	m ²	6,2	63.800	396.198
9	Trát VXM không đánh màu (2.7*2.3)*2		12,4	27.500	341.550
10	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3.1*1.9)	m	5,9	41.800	246.202
11	Bố bờ xây hoàn chỉnh	m	10,0	24.200	242.000
12	Bóc tách hồ nước				0
13	Tường xây gạch bi T12cm (2.8*0.7)	m ²	2,0	63.800	125.048
14	Trát VXM không đánh màu (2.8*0.7)*2		3,9	27.500	107.800
15	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0.7*0.7)	m ²	0,5	41.800	20.482
16	Ông HPDE φ 63	m	110,0	40.909	4.499.990
17	Ông HPDE φ 75	m	10,0	72.000	720.000
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
18	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7.2*1.7)	m ²	12,2	41.800	511.632
c	Về cây cối hoa màu				720.000
1	Cây đào R=1-2m	cây	2,0	360.000	720.000
2	Rau màu gói vụ	m2	4,0	9.600	
d	Về chính sách hỗ trợ				1.459.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	13,9	105.000	1.459.500
11	Họ và tên: Nguyễn Văn Khởi				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lũng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				18.758.398
a	Về đất				6.233.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	63,8		
2	Loại đất:				
	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	47,2	35.000	1.652.000
	Đất ở nông thôn	m ²	16,6	550.000	9.130.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính 50% theo Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ	m ²	16,6	257500	-4274500
	Truy thu lệ phí trước bạ 0,5%	m ²	16,6	550000	-45650
	Truy thu thuế thu nhập cá nhân 2,5 %	m ²	16,6	550000	-228250
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lò Văn Chung năm 1998 (không có giấy tờ). Đất ông Lò Văn Chung khai hoang sử dụng trước năm 1993. Đến năm 2002 ông Khởi sử dụng vào mục đích đất ở. 1 Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa 474 TBD 4 đất DGT do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình ông Khởi quản lý sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Văn Khởi tạo lập vào từ năm 2002 đến năm 2011 trên phần đất ở, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất)				6.194.798
1	Trường xây gạch bi T12cm (20.7*1.4)	m2	28,98	127.600	3.697.848
2	Tường xây gạch bi T12cm (3.3*2)	m2	6,60	127.600	842.160
3	Tường xây gạch bi T12cm (1*1.6)	m2	1,60	127.600	204.160
4	Nền BT đã đầm dầy 10cm (1.8*2.7)	m2	4,86	83.600	406.296
5	Nền BT đã đầm dầy 10cm (3.3*0.9)	m2	2,97	83.600	248.292
6	Tường xây gạch bi T12cm (1*2)	m2	2,00	127.600	255.200
7	Trụ cổng xây gạch bi (0.4*0.4*2.5)*2	m2	0,80	546.700	437.360
8	Cột BTCT (0.15*0.15*3.3)	m3	0,07	1.393.700	103.482
c	Về cây cối hoa màu				1.374.000
1	Cây chuối chưa buồng H>1.2m	cây	29,0	24.000	696.000
2	Cây chuối chưa buồng H<1.2m	cây	31,0	18.000	558.000
3	Cây chuối có buồng 1 cây	kg	20,0	6.000	120.000
d	Về chính sách hỗ trợ				4.956.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	47,2	105.000	4.956.000
12	Họ và tên: Lò Văn Súi				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lũng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				64.636.440
a	Về tài sản vật kiến trúc				61.756.440
1	Ống nước HPDE φ 25	m	1020,0	9.818	10.014.360
2	Ống nước HPDE φ 75	m	380,0	58.091	22.074.580
3	Cổng sắt (2*2)	m2	4,0	825.000	3.300.000
4	Thép hộp 5x10 dày 1,4 ly	m	8	88.600	708.800
5	Ống nước HPDE φ 90	m	200	91.636	18.327.200
	Tài sản ông Định đang sử dụng.				
1	Dây thép gai	m	300	5.000	1.500.000
2	Mương đào thủ công (0,4*0,5*51)	m3	10,2	82.500	841.500
1	Cổng sắt (2*2)	m2	4	247.500	990.000
2	Dây thép gai	m	800,0	5.000	4.000.000
b	Về cây cối hoa màu				2.880.000
1	Hoa hồng trồng đã cho thu hoạch	m2	60	48.000	2.880.000
13	Họ và tên: Lò Văn Hùng				
	Địa chỉ thường trú: Bản Mới - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				71.853.850
a	Về tài sản vật kiến trúc				71.133.850
a1	(hỗ trợ bằng 50% đơn giá theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND do sử dụng sai mục đích)				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Ao đào không phân biệt cấp đất (540m ² *2,4)	m ³	1296,0	29.150	37.778.400
a2	Tài sản sử dụng đúng mục đích				
2	Măng sông phi 110	cái	52,0	245.455	12.763.660
3	Ống nước HPDE φ 90	m	20,0	91.636	1.832.720
4	Công cuốn D= 100 - 300	m	10	144.100	1.441.000
5	Kè đá xây (105*0,7*0,6)	m	44	392.700	17.318.070
b	Về cây cối hoa màu				720.000
1	Cây đào bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	2	360.000	720.000
14	Họ và tên: Vàng Văn Lây				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a).				20.331.309
a	Về tài sản vật kiến trúc				20.331.309
a.1	Tài sản sử dụng sai mục đích hỗ trợ bằng 50% đơn giá theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND.				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (2,6*8)	m ²	20,8	167.200	3.477.760
2	Nền BT đã đầm dầy 10cm (2,6*11)	m ²	28,6	41.800	1.195.480
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (3*8)	m ²	24,0	167.200	4.012.800
2	Nền BT đã đầm dầy 10cm (3*11)	m ²	33,0	41.800	1.379.400
a.2	Tài sản sử dụng đúng mục đích hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND.				
3	Tường xây gạch bi T12cm (1,5*21)	m ²	31,5	127.600	4.019.400
4	Lưới cước (14*3)	m ²	42,0	5.000	210.000
5	Thép hộp 2*2 mạ kẽm dày 1 ly	m	160,0	12.500	2.000.000
6	Dây thép gai	m	500,0	5.000	2.500.000
7	Lưới cước (150*1,5)	m ²	225,0	5.000	1.125.000
8	Đào đắp đất thủ công (1,75*1,9*1,5)	m ³	5,0	82.500	411.469
15	Họ và tên: Hồ Văn Quân				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				28.494.000
a	Về đất				4.665.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	155,5		
2	Loại đất:				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	155,5	30.000	4.665.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố vợ là ông Lù Văn Hù năm 2002 (Không có giấy tờ). Đất ông Hù khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ). Phần diện tích đất đang chồng lấn lên thửa đất BCS do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình ông Hồ (Hồ) Văn Quân sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về cây cối hoa màu				9.834.000
1	Cây tre D < 5 cm	cây	165	18.000	2.970.000
2	Cây tre D = 5 - 10 cm	cây	112	30.000	3.360.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
3	Cây tre D > 10cm	cây	73	48.000	3.504.000
c	Về chính sách hỗ trợ				13.995.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	155,5	90.000	13.995.000
16	Họ và tên: Vàng Văn Bình				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a).				5.183.640
a	Về tài sản vật kiến trúc				5.183.640
1	Kè đá xây (13*1,5*0,3)	m ²	5,9	392.700	2.297.295
2	Kè đá xây (13*0,5*0,75)	m ²	4,9	392.700	1.914.413
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Kè đá xây (3*1,5*0,3)	m ²	1,4	392.700	530.145
2	Kè đá xây (3*0,5*0,75)	m ²	1,1	392.700	441.788
17	Họ và tên: Hồ Thị Tý				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a).				1.910.540
a	Về tài sản vật kiến trúc				1.910.540
1	Nhựa quây (3,0*1,3)	m ²	3,9	39.700	154.830
2	Tôn bưng (0,6*11,0)	m ²	6,6	57.000	376.200
3	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,7*4,7)	m ²	12,7	83.600	1.060.884
4	Chuồng khung sắt lưới B40 (0,5*1,1)	m ²	0,6	123.200	67.760
5	Tấm đan BTCT (1,5*1,2*0,1)	m ²	0,2	1.393.700	250.866
18	Họ và tên: Vàng Văn Mẫn, Lý Thị Lin				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				8.327.500
a	Về tài sản vật kiến trúc				3.927.500
1	Ông nước HPDE phi 21	m	500,0	7.855	3.927.500
b	Về cây cối hoa màu				4.400.000
1	Sản lượng chè 200 m2 *22 tấn/ha/năm *2 năm	kg	880	5.000	4.400.000
19	Họ và tên: Thảo Văn Đoàn				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a).				18.552.300
a	Về cây cối hoa màu				18.552.300
1	Sản lượng cá thu hồi (584,1 m2 *0,3 kg/m2)	kg	175	65.000	11.389.950
2	Sản lượng cá ảnh hưởng (367,3 m2 *0,3 kg/m2)	kg	110	65.000	7.162.350

